

Bản án số: 185/2026/DS-ST
Ngày: 27/3/2026
V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – ĐỒNG THÁP

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thị Thúy An**.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Huỳnh Thị Long.

2. Ông Nguyễn Tấn Đạt.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Trịnh Hồ Hải Hương** – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp.

Ngày 27 tháng 3 năm 2026, tại Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 801/2025/TLST-DS ngày 27 tháng 11 năm 2025, về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 184/2026/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 02 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1975.

Căn cước công dân số: 082075020933.

Địa chỉ: **Ấp C, xã G, tỉnh Đồng Tháp**.

Người đại diện theo ủy quyền của anh **T**: Chị **Trần Thị Kim P**, sinh năm 1987; Địa chỉ: **Ấp C, xã V, tỉnh Đồng Tháp** (xin vắng mặt).

- Bị đơn: **Ngô Thị H**, sinh năm 1978 (vắng mặt).

Căn cước công dân số: 082178019577.

Địa chỉ: **Ấp C, xã G, tỉnh Đồng Tháp**.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo Đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn **Nguyễn Văn T** – Chị **Trần Thị Kim P** trình bày: Anh **T** và chị **H** có quen biết nhau. Vào ngày 16/5/2024, anh **T** có cho chị **H** vay số tiền 50.000.000 đồng, lãi suất 3%/tháng, thời hạn vay là 03 năm, hai bên có làm Hợp đồng vay tiền ngày 16/5/2024, số công chứng 006383, quyền số 07/2024TP/CC-SCC/HĐGD tại **Văn phòng C**. Tuy nhiên, từ khi vay tiền đến nay chị **H** không trả lãi cho anh **T**, mặc dù anh **T** đã đòi nhiều lần nhưng chị **H** cố tình trốn tránh không trả. Nay anh **T** yêu cầu chị **H** trả số tiền vay còn nợ là

50.000.000 đồng và số tiền lãi tính từ ngày 16/5/2024 đến ngày 16/3/2026 là 22 tháng, với mức lãi suất là 1,66%/tháng, yêu cầu trả khi án có hiệu lực pháp luật.

- Bị đơn chị **Ngô Thị H** đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập và các văn bản tố tụng theo quy định nhưng chị **H** vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án tiếp tục đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Theo nội dung đơn khởi kiện và lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử xác định tranh chấp giữa anh **T** và chị **H** là quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Chị **H** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Ngày 27/3/2026, chị **P** - Người đại diện theo uỷ quyền của anh **T** có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xét xử vụ án vắng mặt chị **H** và chị **P**.

[3] Về yêu cầu khởi kiện, anh **T** yêu cầu chị **H** có nghĩa vụ trả số tiền còn nợ là 50.000.000 đồng, theo Hợp đồng vay tiền ngày 16/5/2024, số công chứng 006383, quyển số 07/2024TP/CC-SCC/HĐGD tại **Văn phòng C**, khi án có hiệu lực pháp luật.

Xét thấy, vào ngày 16/5/2024, chị **H** có vay của anh **T** số tiền 50.000.000 đồng, thời hạn vay là 03 năm kể từ ngày 16/5/2024, lãi suất vay do hai tự bên thoả thuận nhưng không vượt quá mức lãi suất cho phép theo quy định của **Ngân hàng N**, thanh toán lãi suất: mỗi tháng một lần, mục đích vay là kinh doanh. Hai bên Hợp đồng vay tiền ngày 16/5/2024, số công chứng 006383, quyển số 07/2024TP/CC-SCC/HĐGD tại **Văn phòng C**. Tuy nhiên từ khi vay đến nay, chị **H** không thực hiện nghĩa vụ trả lãi cho anh **T** nên chị **H** đã vi phạm Điều 3 và khoản 2 Điều 8 của Hợp đồng vay tiền ngày 16/5/2024.

Đồng thời, trong quá trình giải quyết vụ án mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng chị **H** đều vắng mặt không có lý do và cũng không cung cấp chứng cứ gì để phản đối lại yêu cầu khởi kiện của anh **T** nên Hội đồng xét xử, căn cứ theo quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã có trong hồ sơ vụ án.

Do đó, từ những nhận định trên xét thấy yêu cầu của anh **T** là có cơ sở, phù hợp với khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc chị **H** có nghĩa vụ trả lại anh **T** số tiền là 50.000.000 đồng, khi án có hiệu lực pháp luật.

[4] Về yêu cầu trả lãi, anh **T** yêu cầu chị **H** trả lãi đối với số tiền 50.000.000 đồng, với mức lãi suất 1,66%/tháng, tính từ ngày 16/5/2024 đến ngày 16/3/2026 là 22 tháng, thành tiền là 18.260.000 đồng. Nhận thấy, yêu cầu trả lãi của anh **T**

là có sơ sở, phù hợp với khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc chị **H** có nghĩa vụ trả lại anh **T** số tiền lãi là 18.260.000 đồng, khi án có hiệu lực pháp luật.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị **H** có nghĩa vụ trả nợ nên phải chịu án phí theo quy định khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 463, khoản 1 Điều 466, khoản 1 Điều 468, Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh **Nguyễn Văn T**.**

- Buộc chị **Ngô Thị H** có nghĩa vụ trả lại anh **Nguyễn Văn T** số tiền là 68.260.000 (*Sáu mươi tám triệu hai trăm sáu mươi nghìn*) đồng, khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày anh **T** có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị **H** chậm trả khoản tiền nêu trên thì hàng tháng chị **H** phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị **H** phải chịu án phí là 3.413.000 đồng.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ, các đương sự được quyền kháng cáo bản án đến Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp để xét xử phúc thẩm.

***Nội nhân:**

- TAND tỉnh ĐT;
- THADS tỉnh ĐT;
- VKSND KV2 - ĐT;
- Các đương sự;
- Lưu AV, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Thúy An

